

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No (Số seri): **061419**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH & HUẤN LUYỆN
AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(HOSITCO)**

Trụ sở: 733 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
VP Thủ Đức: Số 1, Đường 14, KP5, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (028) 3.511.9758 - 3.511.6678 - Fax: (028) 3.511.9757 - Web: antoanthanhpho.vn
Số đăng ký Giấy chứng nhận: 20/GCN-KĐ; VR-074-TN04

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG:

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Hương, TP. Bà Rịa,
T. Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH:

Tên đối tượng kiểm định: **THANG MÁY ĐIỆN**

- Mã hiệu: **ORIENTAL**

- Số chế tạo: **119918/2**

- Năm chế tạo: **2014**

- Nhà sản xuất/ nước sản xuất: **CTY TNHH TM PHƯƠNG ĐÔNG/ VN**

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Trọng tải sử dụng: **630 kg**

- Vận tốc định mức: **60,0 m/ph**

- Số điểm dừng: **04**

- Công dụng: **Tải khách**

Địa điểm lắp đặt: Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Hương,
TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định

Số: 987/21/ATVSLĐ.HCM ngày 16 tháng 4 năm 2025 (*)

Tem kiểm định: **057352**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **16/4/2027**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025



Th.S Đặng Xuân Thế

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH & HUẤN LUYỆN
AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TP.HCM
(HOSITCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Trụ sở chính: 733 - XVNT - P.26 - Q.Bình Thạnh - TP.HCM

VP: 01- Đường 14 - KP 5 - Hiệp Bình Chánh - TP.Thủ Đức - TP.HCM

ĐT: (028).35119756 ; Fax: (028).35119757

TP. Bà Rịa, ngày 16 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
(THANG MÁY ĐIỆN)**

SỐ: 987 /21/ATVSLĐ.HCM

Căn cứ vào Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy số QTKĐ: 02-2021/BLĐTBXH ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chúng tôi gồm:

1. KS: **NGUYỄN QUANG THẮNG**

- Số hiệu kiểm định viên: **1068/KĐV-BLĐTBXH**

2. KS:

- Số hiệu kiểm định viên:

Thuộc: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VSLĐ TP. HCM**

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: **20/GCN-KĐ**

- Thành phần chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản kiểm định:

1. Ông/Bà: Vũ Trường Giang

- Chức vụ: HC - QT

2. Ông/Bà:

- Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm định đối với: **THANG MÁY ĐIỆN**

- Thuộc sở hữu/quản lý của:

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC

- Trụ sở chính: Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Địa chỉ lắp đặt: Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu.

I. THÔNG SỐ CỦA THANG MÁY

- Thông số cơ bản:

Mã hiệu: ORIENTAL	Năm chế tạo: 2014	Vận tốc định mức (m/ph): 60,0
Nhà chế tạo: CTY TNHH TM PHƯƠNG ĐÔNG	Số chế tạo: 119918/2	Tải trọng định mức (Kg): 630,0
Nơi chế tạo: CTY TNHH TM PHƯƠNG ĐÔNG - VN	Số điểm dừng: 04	Diện tích hữu ích tối đa của cabin: 2,86 m²
Kiểu máy dẫn động: Ma sát	Mục đích sử dụng: Tải khách	

- Thông số động cơ:

Công suất: 5,5 kW	Năm chế tạo: 2014	Dòng điện định mức: 11,0 A
Mã hiệu: ARG036117	Số seri: 119918/2	Điện áp: 380 V
Hãng chế tạo: Mitsubishi		Tốc độ vòng quay: 1380,0 v/ph

- Biên bản kiểm định lần trước số (nếu có): ngày: 01/2/2022

do: **CTY DV KĐ AN TOÀN KVI**

II. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐

Định kỳ ☒

Bất thường ☐

III. NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ, lý lịch:

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Đánh giá	
		Có	Không có
1	Lý lịch thang máy	✓	
2	Giấy chứng nhận hợp quy (Áp dụng đối với trường hợp kiểm định lần đầu)	/	/

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Đánh giá	
3	Hồ sơ kiểm định của lần trước (Không áp dụng đối với trường hợp kiểm định lần đầu)	✓	
4	Hồ sơ bảo trì của lần trước	✓	
5	Hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (nếu có)	✓	

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Thiết bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu nêu trên.

- Đánh giá kết quả: Đầy đủ ☒

Không đầy đủ ☐

2. Kiểm tra bên ngoài:

- Nhận xét: Các thông số, chỉ tiêu kỹ thuật, nhãn hiệu chính xác hồ sơ của nhà chế tạo, lắp đặt so với thực tế, đạt yêu cầu.

- Tính đầy đủ - đồng bộ của thang: Đầy đủ và đồng bộ

- Các khuyết tật – biến dạng: Không phát hiện khuyết tật, biến dạng

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

3. Kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật, chi tiết của thang máy:

- Nhận xét: Đạt yêu cầu

- Nhận xét: Đạt yêu cầu					
STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	QUY ĐỊNH	PHẦN DÀNH CHO KIỂM ĐỊNH VIÊN		
			Kết quả thực tế	Đạt	Không đạt
1. Giếng thang					
-	Kiểm tra các thiết bị phải có trong giếng thang	- Thiết bị dừng thang - Ổ cắm - Thiết bị để điều khiển đèn	Đầy đủ	✓	
	Kiểm tra môi trường hố thang: vệ sinh đáy hố, thấm nước, chiếu sáng	Đánh giá theo điểm 2.1.1.16 QCVN 02: 2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra việc bao che giếng thang	Đánh giá theo các điểm 2.1.1.11, 2.1.4.6, 2.1.4.7 và 2.1.4.8 QCVN 02: 2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra các cửa cứu hộ, cửa kiểm tra	Đánh giá theo điểm 2.1.3 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Khoảng cách theo phương ngang giữa bề mặt bên trong của vách giếng thang và ngưỡng cửa, khung cửa cabin hoặc mép ngoài cửa lửa	Đánh giá theo các điểm 2.1.4.7, 2.2.10, 2.2.11 và 2.2.12 QCVN 02: 2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra thiết bị kiểm soát đóng mở cửa tầng: kiểm tra tình trạng kỹ thuật, sự liên động của khoá cơ khí và tiếp điểm điện	Đánh giá theo các điểm 2.2.8 và 2.2.19.3 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Chiếu sáng giếng thang	- Chiếu sáng trên nóc cabin, sàn hố thang, tối thiểu 50 Lux - Chiếu sáng khu vực khác trong giếng thang, tối thiểu 20 Lux	- Chiếu sáng trên nóc cabin, sàn hố thang 85 lux - Chiếu sáng khu vực khác trong giếng thang 40 lux	✓	
	Thông gió giếng thang	Đánh giá theo điểm 2.1.1.4 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	

	Số điện thoại liên lạc với người có trách nhiệm	Đánh giá theo điểm 2.3.5.4 QCVN 02:2019	Có	✓	
	Hệ thống liên lạc khẩn cấp	Đánh giá theo điểm 2.3.5.4 QCVN 02:2019	Có	✓	
	Kiểm tra các đầu cố định cáp cả phía cabin và phía đối trọng	Đánh giá theo các điểm 2.4.5 và 2.4.6 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra cửa thoát hiểm trên nóc cabin	Nếu cửa sập thoát hiểm được lắp trên nóc cabin thì cửa sập phải có kích thước tối thiểu 0,40 m x 0,50 m	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra khoảng cách an toàn giữa cabin và đối trọng kể cả các phần nhô ra của 2 bộ phận trên không nhỏ hơn 0,05 m	không nhỏ hơn 0,05 m	L = 0,09 m	✓	
	Kiểm tra thiết bị điện an toàn kiểm soát trạng thái đóng mở cửa cabin	Đánh giá theo các điểm 2.2.17, 2.2.18, 2.2.19, 2.2.20, 2.2.24, 2.2.27 và 2.2.28 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra khe hở giữa 2 cánh cửa cabin, khe hở giữa cánh cửa và khung cabin	Đánh giá theo điểm 5.3.1.4 TCVN 6396-20:2017	L = 3,0 mm	✓	
	Kiểm tra tình trạng kỹ thuật và hoạt động của thiết bị chống kẹt cửa	Đánh giá theo các điểm 2.2.17, 2.2.18, 2.2.19 và 2.2.20 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra khoảng cách an toàn theo phương ngang giữa ngưỡng cửa cabin và ngưỡng cửa tầng	Không quá 35 mm	L = 29,0 mm	✓	
	Thiết bị báo quá tải	Người sử dụng phải được thông báo bằng tín hiệu nghe thấy được hoặc nhìn thấy được trong cabin	Đáp ứng	✓	
	Hiện thị dừng tầng, độ chính xác dừng tầng	Đánh giá theo các điểm 2.3.4.4.1, 2.10.3 và 2.10.4 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Khóa cửa	Khóa phải được liên động với tiếp điểm điện an toàn	Đáp ứng	✓	
	Chiếu sáng cabin	cường độ tối thiểu 100 lux chiếu lên các thiết bị điều khiển và ở độ cao 1 m phía trên mặt sàn ở bất kỳ điểm nào cách vách cabin không quá 100 mm	Đáp ứng	✓	
	Thông gió	Các cabin phải có các lỗ thông gió ở các phần bên trên và phía dưới cabin.	Đáp ứng	✓	
4. Thiết bị bảo vệ phòng ngừa cabin vượt tốc					
	Bộ khống chế vượt tốc		Phù hợp	✓	
	Bộ hãm an toàn	Đánh giá theo các điểm 2.5.4, 2.5.5, 2.5.6, 2.5.7, 2.5.8, 2.5.9 và 2.5.10 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	

SLO-TP
INSPECT
11

	Kích thước thông thủy của cửa tầng	Chiều cao tối thiểu 2 m Chiều rộng cửa tầng không quá 50 mm so cửa cabin.	- Chiều cao: 2,1 m - Chiều rộng: 8,0 mm	✓	
	Không gian lánh nạn ở đỉnh giếng thang	Có biển chỉ dẫn ghi rõ các kích thước và tư thế của người khi vào không gian lánh nạn	Có	✓	
	Không gian lánh nạn ở hố giếng thang	Có biển chỉ dẫn ghi rõ các kích thước và tư thế của người khi vào không gian lánh nạn	Có	✓	
	Lối vào giếng thang	Đánh giá theo điểm 2.1.2 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra bộ giảm chấn	Đánh giá theo điểm 2.7 QCVN 02:2019.	Đáp ứng	✓	

2. Buồng máy và các thiết bị bên trong buồng máy

	Kiểm tra buồng máy và các thiết bị trong buồng máy	Đánh giá theo điểm 2.1.1.2 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra lối vào buồng máy, các cao trình trong buồng máy: lan can, cầu thang	Đánh giá theo điểm 2.1.2.4 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra vị trí lắp đặt các cụm máy, tủ điện, đo đặc các khoảng cách an toàn giữa chúng và với các kết cấu xây dựng trong buồng máy	Đánh giá theo điểm 2.9 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra môi trường trong buồng máy (nhiệt độ, chiếu sáng, thông gió)	- Nhiệt độ bên trong buồng máy phải duy trì trong khoảng từ +5°C đến +40°C. - Chiếu sáng và thông gió Đánh giá theo các điểm 2.1.1.4 và 2.1.1.16 QCVN 02:2019	Nhiệt độ: 31°C Chiếu sáng: 230 lux ở mặt sàn làm việc và 75 lux ở mặt sàn đi chuyển giữa các khu vực làm việc	✓	
	Kiểm tra cửa ra vào buồng máy: cánh cửa - khoá cửa	Đánh giá theo các điểm 2.1.1.5.4 và 2.1.2.2 QCVN 02:2019.	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra việc bố trí các bảng điện, công tắc điện trong buồng máy	Đánh giá theo điểm 2.9 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra việc đi đường điện từ bảng điện chính đến tủ điện, từ tủ điện đến các bộ phận máy	Đánh giá theo điểm 2.9.1 QCVN 02:2019.	Đáp ứng	✓	

3. Cabin và các thiết bị bên trong cabin

	Kích thước thông thủy của cửa cabin	Chiều cao thông thủy tối thiểu cho cửa tầng và cửa cabin là 2 m	h = 2,1 m	✓	
	Chiều cao thông thủy trong lòng cabin	tối thiểu là 2 m	h = 2,2 m	✓	
	Tải định mức và diện tích hữu ích tối đa của cabin	Theo Bảng 3 và Bảng 4: QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Bảng hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn xử lý sự cố thang máy	Đánh giá theo điểm 2.3.5.4 QCVN 02:2019	Có	✓	

	Cáp thép	Đánh giá theo điểm 2.5.11 QCVN 02:2019; Phụ lục E TCVN 7550:2005	Đường kính cáp: 8,0 mm	✓	
5. Đối trọng và khối lượng cân bằng, kết cấu treo, kết cấu bù và phương tiện bảo vệ có liên quan					
	Kiểm tra khung đối trọng, tình hình lắp các phiên đối trọng trong khung, việc cố định các phiên trong khung	Đánh giá theo các điểm 2.4.2 và 2.4.4 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	
	Kiểm tra puli, đối trọng kéo cáp bộ không chế vượt tốc: + Tình trạng khớp quay giá đỡ đối trọng; + Bảo vệ puli; + Thiết bị kiểm soát độ chùng cáp.	Đánh giá theo các điểm 2.4.3, 2.4.13 và 2.4.15 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	
	Kiểm tra các puli dẫn cáp, hướng cáp, che chắn bảo vệ	Đánh giá theo các điểm 2.4.3, 2.4.13 và 2.4.15 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	
	Thiết bị treo cabin, đối trọng hay khối lượng cân bằng	Đánh giá theo các điểm 2.4.2 và 2.4.4 QCVN 02:2019	Đường kính cáp: 8,0 mm Số nhánh cáp: 06	✓	
	Puli máy dẫn động, puli đổi hướng	Đánh giá theo các điểm 2.4.3, 2.4.13 và 2.4.15 QCVN 02:2019	Phù hợp	✓	
6. Máy dẫn động và các thiết bị kết hợp					
	Máy dẫn động và phương pháp dẫn động	Đánh giá theo điểm 2.8.11 QCVN 02:2019 đối với thang máy điện hoặc theo khoản 2.8.15 QCVN 02:2019 đối với thang máy thủy lực	Đáp ứng	✓	
	Hệ thống phanh (<i>Tình trạng kỹ thuật của phanh, má phanh, lò xo phanh</i>)	Đánh giá theo điểm 2.8.3 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
7. Hệ thống điều khiển, thiết bị an toàn					
	Kiểm tra các thiết bị điện	Đánh giá theo điểm 2.9 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
	Kiểm tra hệ thống điều khiển và các công tắc cực hạn	Đánh giá theo điểm 2.10 QCVN 02:2019	Đáp ứng	✓	
8. Ray dẫn hướng					
		Đánh giá theo điểm 2.6 QCVN 02: 2019	Phù hợp	✓	
9. Hệ thống cứu hộ					
	Cứu hộ bằng tay	Đánh giá theo điểm 2.11.1.1 QCVN 02:2019	Có trang bị	✓	
	Cứu hộ bằng điện	Đánh giá theo điểm 2.11.1.2 QCVN 02:2019	Có trang bị	✓	
	Quy trình cứu hộ	Nhà sản xuất thang máy phải đưa ra quy trình cứu hộ thích hợp trong trường hợp xảy ra sự cố.	Có trang bị	✓	
10. Điện trở cách điện, điện trở nối đất					
	Điện trở cách điện	Đánh giá theo Bảng 16 TCVN 6396-20:2017	303 MΩ	✓	
	Điện trở nối đất	≤ 4 Ω	1,1 Ω	✓	

4. Thử vận hành

4.1. Thử không tải

- Nhận xét: Thiết bị hoạt động theo đúng tính năng thiết kế không phát hiện các hiện tượng bất thường.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

4.2. Thử tải động 100% định mức

- Nhận xét: Thang máy hoạt động đúng tính năng thiết kế và đáp ứng các yêu cầu nêu trên.
- Đánh giá kết quả:

+ Vận tốc cabin:	60,0 m/ph	Kết quả: Đạt	☒	Không đạt	☐
+ Dòng điện động cơ (Khi cabin đi lên/xuống):	11,0/10,5 A	Kết quả: Đạt	☒	Không đạt	☐
+ Độ sai lệch dừng tầng lớn nhất:	5,0 mm	Kết quả: Đạt	☒	Không đạt	☐
+ Bộ hãm an toàn tức thời hoặc tức thời có giảm chấn:	Không có	Kết quả: Đạt	/	Không đạt	/

4.3. Thử tải động 125% định mức

- Nhận xét: Không phát hiện hư hỏng khuyết tật khác, thang hoạt động bình thường đúng tính năng thiết kế và đáp ứng các yêu cầu trên.
- Đánh giá kết quả:

+ Phan điện từ	Kết quả:	Đạt	☒	Không đạt	☐
+ Bộ hãm an toàn êm	Kết quả:	Đạt	☒	Không đạt	☐
+ Thử kéo	Kết quả:	Đạt	☒	Không đạt	☐

5. Thử hệ thống cứu hộ:

- Nhận xét: Không phát hiện hư hỏng, khuyết tật hay hiện tượng bất thường và đáp ứng các yêu cầu.
- Đánh giá kết quả:
- + Thiết bị cứu hộ bằng tay: Kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐
- + Bộ cứu hộ tự động: Kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐
- + Hệ thống thông tin liên lạc (chuông, điện thoại liên lạc nội bộ) Kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thang máy được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐
(Tại thời điểm kiểm định và đơn vị sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất)

Đủ điều kiện hoạt động với tải trọng định mức là: **630 kg (Sức chứa 08 người)**

2. Đã được dán tem kiểm định số: **057352** Tại vị trí: Cabin
3. Các kiến nghị:

- Tuân thủ các quy định về an toàn theo mục 3.4 QCVN 02:2019/BLĐTBXH
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy định của nhà chế tạo.
- Huấn luyện ATVSLĐ theo nghị định ND 44-2016/ND-CP cho công nhân vận hành thiết bị.

Thời hạn thực hiện kiến nghị: Định kỳ.

V. THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời gian kiểm định lần sau: Ngày 16 tháng 4 năm 2027

Lý do rút ngắn thời hạn kiểm định: .../...

Biên bản đã được thông qua vào hồi: 11 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 4 năm 2025

Tại: Số 42 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Biên bản được lập thành: Hai (02) bản, mỗi bên giữ một (01) bản./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

SỞ HỮU/ QUẢN LÝ

THANG MÁY

(Ký tên và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(ký, ghi rõ họ và tên)

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(ký, ghi rõ họ và tên)



KS. Nguyễn Quang Thắng



LÊ NGUYỄN QUẾ MINH